

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 5 – 2023.
V/v: “Xin ly hôn, nuôi dưỡng
con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh Hiền; Ông Tăng Hoàng Đa

- Thư ký Phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Lư – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc “xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị Mỹ T, sinh năm 1988 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến N, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi cần được bảo vệ:

+ **Nguyễn Trọng B**, nam, sinh ngày 17/12/2005 (Vắng mặt)

+ **Nguyễn Trọng H**, nam, sinh ngày 08/8/2009 (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị Mỹ T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tiến N quen nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình chấp thuận, có tổ chức đám cưới vào năm 2004, đăng ký kết hôn vào ngày 27/7/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc,

đến khi bà sinh cháu B thì ông N thay đổi tính tình, vợ chồng thường xuyên cự cãi, đến năm 2021 thì vợ chồng ly thân, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tiến N.

+ Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Trọng B, nam, sinh ngày 17/12/2005; Nguyễn Trọng H, nam, sinh ngày 08/8/2009. Hiện nay cháu B đang đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, còn cháu H đang sống với ông N. Bà có yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay bà đang đi làm thuê cho quán ăn ở Thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập bình quân 7.500.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Vào khoảng 18/4/2018 vợ chồng bà có vay Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ – Phòng giao dịch huyện Thới Lai theo chương trình nước sạch nông thôn, số tiền vay gốc là 12.000.000 đồng, sổ vay ghi tên bà nhưng hiện nay dư nợ còn bao nhiêu thì bà không rõ, bà không giữ sổ vay. Nay bà yêu cầu tự thỏa thuận với ông N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/4/2023, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Tiến N trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Hà Thị Mỹ T về thời điểm xây dựng hôn nhân, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay ông có yêu cầu như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hàn gắn được nữa nên đồng ý ly hôn với bà Hà Thị Mỹ T.

+ Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Trọng B, nam, sinh ngày 17/12/2005; Nguyễn Trọng H, nam, sinh ngày 08/8/2009. Cháu B hiện nay đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh, còn cháu H từ khi vợ chồng ly thân thì cháu sống với ông và đang học lớp 8 tại xã T. Ông không đồng ý giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng mà ông yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con đến trưởng thành và không yêu cầu bà T cấp dưỡng cho con.

Hiện nay ông đang làm thợ sửa điện gia dụng, thợ sơn. Khi có khách yêu cầu thì ông mới làm, thu nhập bình quân từ 300.000 – 350.000 đồng/ngày nhưng công việc không thường xuyên nên bình quân mỗi tháng thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Vào khoảng 18/4/2018 có vay Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ – Phòng giao dịch huyện Thới Lai theo chương trình nước sạch nông thôn, số tiền vay gốc là 12.000.000 đồng, bà T đứng sổ vay vốn nhưng kể từ khi ly thân bà T bỏ địa phương đi nên khoản vay đã chuyển sang tên ông, hiện nay ông không cất giữ sổ vay. Đến ngày 11/4/2023 tổng nợ gốc và lãi còn nợ là 11.500.000 đồng. Nay ông yêu cầu tự thỏa thuận với bà T về nợ vay mà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/4/2023, Nguyễn Trọng H trình bày: Từ khi cha mẹ ly thân cháu sống với cha Nguyễn Tiến N cho đến nay và cháu đang học lớp 8 tại xã T. Nếu cha Nguyễn Tiến N và mẹ Hà Thị Mỹ T ly hôn thì cháu có nguyện vọng tiếp tục được sống với cha đến trưởng thành và không yêu cầu mẹ cấp dưỡng.

Tại bản tự khai ngày 15/4/2023, Nguyễn Trọng B trình bày: Cháu có nguyện vọng được sống với cha là Nguyễn Tiến N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn giữ nguyên ý kiến, người có quyền lợi cần bảo vệ vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Hà Thị Mỹ T và ông Nguyễn Tiến N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định. Xét thấy hôn nhân giữa bà Hà Thị Mỹ T và ông Nguyễn Tiến N đã mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể hàn gắn, các bên không có thiện chí đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hà Thị Mỹ T. Về con chung: Bà Hà Thị Mỹ T và ông Nguyễn Tiến N đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trọng B, nam, sinh ngày 17/12/2005; Nguyễn Trọng H, nam, sinh ngày 08/8/2009 đến khi trưởng thành. Cháu B và cháu H đều có nguyện vọng được sống chung với ông Nguyễn Tiến N, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị giao Nguyễn Trọng B, Nguyễn Trọng H cho ông Nguyễn Tiến N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, bà Hà Thị Mỹ T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: đề nghị ghi nhận ý kiến của bà Hà Thị Mỹ T, ông Nguyễn

Tiến N không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp thì các bên được quyền khởi kiện thành vụ án khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Hà Thị Mỹ T có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Tiến N nên quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Hà Thị Mỹ T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà T theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Mỹ T và ông Nguyễn Tiến N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Hà Thị Mỹ T thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dần dần tình cảm vợ chồng không còn, ông bà đã sống ly thân từ đó đến nay. Ông Nguyễn Tiến N cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy hôn nhân giữa bà Hà Thị Mỹ T và ông Nguyễn Tiến N đã mâu thuẫn nghiêm trọng, các bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hà Thị Mỹ T và ông Nguyễn Tiến N.

[3] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Trọng B, nam, sinh ngày 17/12/2005; Nguyễn Trọng H, nam, sinh ngày 08/8/2009. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Ông N cũng có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng ác con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Trọng B, Nguyễn Trọng H đều có nguyện vọng sống chung với ông N. Xét thấy để đảm bảo ổn định cuộc sống và sự phát triển bình thường của cháu Nguyễn Trọng B, Nguyễn Trọng H, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao Nguyễn Trọng B, Nguyễn Trọng H cho ông Nguyễn Tiến N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến của ông N và cháu H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đối với số tiền vay 20.000.000 đồng của bà T, ông N theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tại Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ – Phòng giao dịch huyện Thới Lai. Bà T, ông N và Ngân hàng Chính sách xã hội thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Ghi nhận ý kiến của bà Hà Thị Mỹ T, ông Nguyễn Tiến N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

Từ những nhận trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Hà Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Mỹ T.
2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Mỹ T và ông Nguyễn Tiến N ly hôn.
3. Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Trọng B, nam, sinh ngày 17/12/2005; Nguyễn Trọng H, nam, sinh ngày 08/8/2009. Giao Nguyễn Trọng B, Nguyễn Trọng H, cho ông Nguyễn Tiến N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, bà Hà Thị Mỹ T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Hà Thị Mỹ T, không ai được ngăn cản bà T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của bà Hà Thị Mỹ T, ông Nguyễn Tiến N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Hà Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Hà Thị Mỹ T đã nộp theo biên lai thu số 0005067 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí nên bà T không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS huyện Thới Lai;
- THA huyện Thới Lai;
- UBND xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Phan Nguyễn Minh Trí